

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 5 năm 2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Ngọc Ngân
bà Nguyễn Thị Lý

- *Thư ký phiên tòa:* bà Hồ Thị Thu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố N - Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Giới Mạnh Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 363/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Phạm Thị Cẩm T - sinh năm 1989

Trú tại: 09 đường T - phường V - thành phố N - Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh H - sinh năm 1964 - luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Duy Ích.

Địa chỉ: 142, 142^A đường N - phường L - thành phố N - Khánh Hòa; Có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Phạm Hoàng A - sinh năm 1988

Trú tại: 09 đường T - phường V - thành phố N - Khánh Hòa.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/01/2023 và bản tự khai ngày 24/5/2023, 22/3/2024, nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm T trình bày trình bày: năm 2017, bà và ông Phạm Hoàng A tự nguyện yêu thương nhau về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Nguyên - thành phố N - Khánh Hòa.

Quá trình sống chung, vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, ông A nhiều lần đánh bà gây thương tích. Đến nay, bà xác định không còn tình cảm với ông A nên bà yêu cầu được ly hôn với ông A. Con chung: bà và ông A có một con chung Phạm Thiên B (sinh ngày 30/5/2019). Sau ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 18/3/2024, bị đơn ông Phạm Hoàng A trình bày: ông và bà T kết hôn năm 2017. Trong quá trình sống chung, vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã, lời qua tiếng lại. Bà T nộp đơn xin ly hôn, ông đồng ý. Về con chung: ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thiên B và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông A; được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có. Ông A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm T.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T vì hiện tại bà T và ông A đã không còn tình cảm với nhau thể hiện ở việc bà T, ông A đã không còn sống chung với nhau từ lâu nay và ông A cũng đã đồng ý ly hôn. Về con chung: hiện nay cháu B đang ở với bà T, được bà T nuôi dạy đảm bảo điều kiện vật chất và tinh thần. Tài sản chung: bà T sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác. Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông A sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V - thành phố - Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 164 ngày 10/10/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T cho rằng quá trình sống chung, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, sống không hiểu nhau làm cho vợ chồng không hạnh phúc, ông A thường xuyên đánh đập bà. Ông A không nêu ra lý do mâu thuẫn, tuy nhiên, ông A đồng ý ly hôn.

Điều này chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[2] Con chung: bà T, ông A có một con chung là Phạm Thiên B (sinh ngày 30/5/2019). Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 18/3/2023, ông A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: cháu B là con gái, lại đang ở với bà T nên đề không xáo trộn chỗ ở cũng như tinh thần của cháu, cần tiếp tục giao cháu An cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T đảm bảo cho ông A quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung: ngày 27/11/2023, bà T có đơn khởi kiện bổ sung "yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng". Tòa án đã tổng đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung cho bà T. Hết thời hạn nộp biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, bà T không nộp lại biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, đến ngày 12/01/2024, bà T rút yêu cầu chia tài sản chung và xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đối với tài sản chung: bà T, ông A sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp không thỏa thuận được thì bà T, ông A có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Nợ chung: bà T, ông A xác định không có.

[5] Về án phí: bà T nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm T được ly hôn với ông Phạm Hoàng A.

Về con chung: Giao con chung Phạm Thiên B (sinh ngày 30/5/2019) cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T, ông A đều có quyền thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Quy định: *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

2. Về án phí: bà Phạm Thị Cẩm T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0011328 ngày 04/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N - Khánh Hòa. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố N;
- UBND phường Vĩnh Nguyên - thành phố N - Khánh Hòa (giấy chứng nhận kết hôn số 164 ngày 10/10/2017);
- Các đương sự;
- Lưu.

Võ Thị Mai Phương